

Bản án số: 174/2020/KDTM-PT.

Ngày 18/9/2020.

“V/v tranh chấp hợp đồng xây
dựng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh và bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: ông Nguyễn Trần Thắng- Kiểm sát viên (vắng mặt).

Trong ngày 18/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 129/2018/KTPT ngày 17/12/2018 về việc tranh chấp Hợp đồng xây dựng do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2018/KDTM- ST ngày 10/05/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 501/2020/QĐXX-PT ngày 26/8/2020, giữa:

Nguyên đơn: **Công ty CP tư vấn và xây dựng công trình MT**

Trụ sở: sốđường HTLO, thành phố V, tỉnh NA; Người đại diện theo pháp luật: ông Trương H - Giám đốc công ty (ông H có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Tổng công ty Cơ điện XD- CTCP**

Trụ sở: km.....quốc lộ, xã TH, huyện TT, TP HN; Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn A- Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Minh T và ông Nguyễn Văn T (Văn bản ủy quyền số 368/UQ-TCT ngày 17/9/2020 và Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2017) (ông T, ông T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng công trình MT do người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 15/7/2005, ông Đỗ Minh T là Trưởng ban- Ban chỉ huy công trường dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt (tỉnh Thanh Hóa) thuộc Tổng công ty cơ điện xây dựng nông

ng nghiệp và Thủy lợi (nay đổi tên thành Tổng công ty cơ điện XD- CTCP, sau đây gọi tắt là bị đơn) được sự ủy quyền của Tổng công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp và thủy lợi đã ký Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/2005 với Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng MT (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) về việc giao nhận thầu xây lắp khu đập chính công trình đầu mối thủy lợi, dự án hồ chứa nước Cửa Đạt.

Theo đó, Bên A (Ban chỉ huy công trường của bị đơn) giao cho bên B (nguyên đơn) thi công một số hạng mục phần đập chính của công trình đầu mối thủy lợi thủy điện Cửa Đạt, bao gồm đào bóc tầng phủ mỏ đá, khoan, nổ mìn khai thác đá ở mỏ 9A - khu A; Bốc xúc, vận chuyển đá về bãi trữ hoặc đắp đập; San ủi theo chiều dày thiết kế, đảm đạt yêu cầu kỹ thuật; Thi công bê tông bản mặt và một số công trình phục vụ thi công.

Ngày 31/12/2006, hai bên ký phụ lục Hợp đồng số 3 với nội dung bổ sung công việc, bên A giao cho bên B thi công đào bóc tầng phủ mỏ đá, khoan, nổ mìn, khai thác mỏ đá 9A - Khu B.

Giá trị hợp đồng tạm tính là 280 tỷ đồng. Bên B được hưởng 95% giá trị nghiệm thu thanh toán khối lượng với chủ đầu tư và nhà thầu chính (bị đơn) (chi phí nghiệm thu thanh toán, hoàn công và các chi phí khác phục vụ trong quá trình thi công do bên B đảm nhiệm). Giá trị hợp đồng bao gồm tất cả các chi phí và thuế (không bao gồm bảo hiểm công trình).

Về việc tạm ứng và thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: bên A tạm ứng cho bên B theo tỷ lệ bên B được hưởng căn cứ vào khối lượng hoàn thành và sản lượng vật tư, vật liệu của bên B tập kết tại hiện trường được BCH công trường xác nhận trên cơ sở tổng khối lượng vật tư vật liệu được chủ đầu tư chấp thuận nghiệm thu tạm ứng cho bên A. Tiền tạm ứng được chuyển thẳng cho bên B từ tài khoản của bên A.

- Thanh toán: căn cứ khối lượng hoàn thành và bản vẽ thi công + dự toán đã được phê duyệt, mỗi tháng một lần bên B tập hợp khối lượng hoàn thành trong tháng được cán bộ giám sát của chủ đầu tư xác nhận gửi cho bên A làm cơ sở thanh toán cho bên B. Tiền thanh toán được bên A chuyển thẳng về tài khoản của bên B từ tài khoản của Ban chỉ huy sau khi trừ phí tổng thầu và tiền đối trừ khác (nếu có). Thời hạn thanh toán trong vòng 5 ngày, kể từ ngày chủ đầu tư chuyển tiền về đến tài khoản của bên A.

Bên A giữ lại 3% giá trị nghiệm thu thanh toán để thực hiện bảo hành công trình. Khi có bảo lãnh của Ngân hàng về nội dung bảo hành công trình thì bên A sẽ thông qua chủ đầu tư chuyển trả 3% giữ lại cho bên B (nếu được chủ đầu tư chấp thuận).

Trên cơ sở Hợp đồng đã ký kết, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đủ các công việc được mô tả tại Điều 1 của hợp đồng và phụ lục hợp đồng số 03. Sau mỗi đợt thi công, bên B tổng hợp khối lượng thi công được bên A xác nhận, bên B tổng hợp kinh phí giá trị khối lượng nghiệm thu đã hoàn thành và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A và đã được bên A thanh toán tổng số tiền 247.533.832.994 đồng.

Tại biên bản xác nhận ngày 10/10/2013, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 17.300.940.675 đồng. Sau đó, các năm 2014, 2015 bị đơn vẫn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn, trong đó lần thanh toán cuối cùng, bị đơn đã thanh toán trả nguyên đơn 500.000.000 đồng (thanh toán ngày 13/02/2015) và đến ngày 12/10/2015, nguyên đơn nhận được văn bản của BCH công trường Cửa Đạt xác nhận còn nợ nguyên đơn 11.083.633.455 đồng.

Ngày 12/5/2017, nguyên đơn nhận được Văn bản số 152/CV/QLĐT - KHTC của Ban quản lý đầu tư và xây dựng Thủy Lợi 3 thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ đầu tư công trình Cửa Đạt Thanh Hóa) xác nhận đối với các hợp đồng thi công đã được nghiệm thu và đã được thanh toán hết. Giá trị giữ bảo hành 3% của các hạng mục đến nay cũng được Ban thanh toán cho nhà thầu.

Như vậy, đến nay công trình thủy lợi, hồ chứa nước Cửa Đạt đã được bàn giao, đưa vào sử dụng và nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình theo điều 7 hợp đồng, đã được thanh toán phí bảo hành công trình theo quy định nhưng bị đơn vẫn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ với lý do công trình chưa được chủ đầu tư nghiệm thu, quyết toán là không phù hợp với thỏa thuận của 2 bên về điều kiện thanh toán hợp đồng. Việc công trình Cửa Đạt chưa được Chủ đầu tư nghiệm thu, quyết toán là quan hệ riêng giữa bị đơn với Chủ đầu tư công trình, không liên quan đến hợp đồng thi công xây dựng nguyên đơn đã thực hiện và không phải là điều kiện về thỏa thuận thanh toán hợp đồng hai bên đã ký kết.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 11.083.633.455 đồng và yêu cầu phải trả lãi của số tiền trên theo quy định của pháp luật kể từ ngày 08/5/2013.

Tại phiên hòa giải ngày 14/3/2018, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc tính từ ngày 09/5/2013 đến ngày 26/11/2017 là 6.362.709.783 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải thanh toán là 17.447.264.721 đồng.

Đối với những khoản tiền mà bị đơn đưa ra tại văn bản ngày 12/10/2015 của Ban chỉ huy công trường để yêu cầu nguyên đơn đối trừ công nợ như tiền lãi vay nguyên đơn phải trả cho bị đơn 2.947.167.539 đồng; Giá trị hóa đơn nguyên đơn xuất thừa hóa đơn đề nghị xuất giảm 5.523.573.128 đồng; Các chi phí chung phục vụ quá trình thi công 2.364.581.335 đồng. Nguyên đơn sẵn sàng giảm trừ theo số liệu của bị đơn đưa ra trong trường hợp bị đơn xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cũng như xuất hóa đơn thanh toán cho nguyên đơn đối với các khoản tiền lãi vay.

Bị đơn Tổng công ty Cơ điện và XD- CTCP do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng giữa hai bên, nội dung của Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/2005 ngày 17/5/2005 như nguyên đơn trình bày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên B đã thực hiện các hạng mục công việc được mô tả tại điều 1 của hợp đồng và các phụ lục hợp đồng số 03. Trên cơ sở đề xuất của bên B, được bên A xác nhận, bị đơn đã chuyển khoản giá trị thi công (tạm tính) trực tiếp từ tài khoản của bị đơn đến tài khoản của bên B. Tính đến năm 2010, bên B đã cơ bản hoàn thành các hạng mục thi công theo sự thỏa thuận của hai bên, đối với các hạng mục chưa hoàn thiện, Bên B cũng đã hoàn thành xong theo các nội dung công việc được giao đã được ký kết tại hợp đồng số 15 nêu trên và đã được bên A nhận bàn giao công trình và thực tế công trình Cửa Đạt cũng đã được đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, do hiện nay dự án công trình Cửa Đạt- Thanh Hóa chưa được chủ đầu tư nghiệm thu, quyết toán theo điều 17 hợp đồng nên giữa nguyên đơn và bị đơn chưa có cơ sở đối chiếu công nợ chính thức. Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán 11.084.554.938 đồng là không có căn cứ. Mặt khác, do công trình chưa được nghiệm thu nên việc bảo hành công trình cũng chưa được thực hiện. Vì vậy, thỏa thuận 3% giá trị nghiệm thu để bảo hành công trình cũng chưa có cơ sở xem xét.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Nếu theo văn bản ngày 12/10/2015, bị đơn xác nhận số nợ chưa trả nguyên đơn là 11.083.633.455 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn còn phải trả bị đơn tiền lãi vay, tiền xuất thừa hóa đơn, giá trị tạm giữ lại chưa thanh toán nên thực tế bị đơn chỉ còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 248.311.453 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2018/KDTM- ST ngày 10/05/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn theo Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/2005 ký giữa hai bên ngày 15/7/2005 như sau:

- Nợ gốc: 11.083.633.455 đồng.

- Nợ lãi do chậm thanh toán nợ gốc: 5.805.205.269 đồng.

Tổng cộng: 16.888.838.724 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, nguyên đơn đồng ý thanh toán cho bị đơn tiền lãi vay trong quá trình hai bên thực hiện hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/2005 ngày 15/7/2005 là 2.947.167.539 đồng.

Sau khi đối trừ với khoản tiền 16.888.838.724 đồng với khoản 2.947.167.539 đồng, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 13.941.671.185 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của nguyên đơn và đại diện của bị đơn đã thống nhất đề nghị Tòa án công nhận những nội dung thỏa thuận như sau:

1. Xác định giá trị công nợ giữa hai bên:

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
1	Giá trị nguyên đơn đã xuất hóa đơn	253.830.812.702 đồng	
2	Bị đơn đã trả, cấp vật tư, bù trừ công nợ....	242.747.179.247 đồng	
3	Giá trị công nợ bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn đến ngày 15/09/2020	11.083.633.455 đồng	

2. Hai bên thỏa thuận phương thức thanh toán công nợ theo số liệu trên như sau:

a. Đợt 1: bị đơn trả ngay cho nguyên đơn số tiền 8.083.633.455 đồng theo phương thức sau:

- Số tiền 3 tỷ đồng được trả bằng tiền mặt trong vòng 15 ngày sau ngày 18/9/2020;

- Nguyên đơn đồng ý mua lại 500.000 cổ phần của bị đơn tại Công ty của nguyên đơn tương đương với số tiền là 5.083.633.455 đồng.

b. Đợt 2: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán tiền đợt 1, bị đơn trả số còn lại 3 tỷ đồng cho nguyên đơn.

- Bị đơn phối hợp cùng nguyên đơn ký biên bản thanh lý hợp đồng, ký hoàn thiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần thuộc sở hữu của bị đơn tại nguyên đơn.

- Nguyên đơn chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến thuế và các nghĩa vụ khác (nếu có).

- Các bên cam kết không khiếu nại, khiếu kiện và đối soát số liệu liên quan và không được hưởng thêm bất kỳ quyền lợi nào liên quan đến Hợp đồng số 15/HĐKT/2005 ký 15/07/2005 và các phụ lục kèm theo.

- Về án phí: nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu 50% án phí sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng xây dựng, bị đơn có trụ sở tại huyện Thanh Trì nên theo quy định tại các điều 30, 35, 38 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ

tục sơ thẩm và Tòa án nhân dân TP Hà Nội giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Về nội dung: người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, tiền án phí và cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận những nội dung thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy cần sửa Bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

Do sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả bị đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Đối với án phí sơ thẩm sẽ được sửa lại theo thỏa thuận của các đương sự mỗi bên chịu 50% án phí sơ thẩm. Rút kinh nghiệm Tòa án sơ thẩm về việc thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại của bị đơn 300.000 đồng là chưa đúng với quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 5, 30, 35, 38, 39, 148 và khoản 3 Điều 296, Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Luật Xây dựng năm 2003;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 06/2018/KDTM- ST ngày 10/05/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì.

2. Công nhận sự thỏa thuận của Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng công trình MT và Tổng công ty cơ điện XD- CTCP như sau:

a. Xác định giá trị công nợ giữa hai bên:

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
1	Giá trị nguyên đơn đã xuất hóa đơn	253.830.812.702 đồng	
2	Bị đơn đã trả, cấp vật tư, bù trừ	242.747.179.247 đồng	

	công nợ....		
3	Giá trị công nợ bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn đến ngày 15/09/2020	11.083.633.455 đồng	

b. Hai bên thỏa thuận phương thức thanh toán công nợ theo số liệu trên như sau:

Đợt 1: bị đơn trả ngay cho nguyên đơn số tiền 8.083.633.455 (tám tỷ không trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng theo phương thức sau:

- Số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng được trả bằng tiền mặt trong vòng 15 ngày sau ngày 18/9/2020;

- Nguyên đơn đồng ý mua lại 500.000 cổ phần của bị đơn tại Công ty của nguyên đơn tương đương với số tiền là 5.083.633.455 (năm tỷ không trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng.

Đợt 2: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán tiền đợt 1, bị đơn trả số còn lại 3.000.0000.000 (ba tỷ) đồng cho nguyên đơn.

- Bị đơn phối hợp cùng nguyên đơn ký biên bản thanh lý hợp đồng, ký hoàn thiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần thuộc sở hữu của bị đơn tại nguyên đơn.

- Nguyên đơn chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến thuế và các nghĩa vụ khác (nếu có).

- Các bên cam kết không khiếu nại, khiếu kiện và đối soát số liệu liên quan và không được hưởng thêm bất kỳ quyền lợi nào liên quan đến Hợp đồng số 15/HĐKT/2005 ký 15/07/2005 và các phụ lục kèm theo.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm: nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu số tiền án phí sơ thẩm là 59.541.816 (năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi một nghìn tám trăm mười sáu) đồng.

Xác nhận nguyên đơn đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 59.542.000 (năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 08242 ngày 12/4/2017. Hoàn trả cho nguyên đơn 1.816 (một nghìn tám trăm mười sáu) đồng.

- Án phí phúc thẩm: bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn trả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 8986 ngày 31/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

4. Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP Hà Nội;
- TAND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Ngọc Thành